

Bản án số: 100/2018/DS-PT
Ngày 02 – 11 – 2018
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Châu Việt Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2018/TLPT-DS ngày 27 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 74/2018/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Hồng L, sinh năm 1964; cư trú tại: Số 32, ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Tô Hùng E, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tô Hùng E: Ông Dương Long H, là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Minh Quốc, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1924 (chết ngày 29/12/2010)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Lê Văn T:

1.1. Bà Tô Hồng L, sinh năm 1964; cư trú tại: Số 32, ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

1.2. Ông Tô Hùng E, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

1.3. Ông Lê Văn H, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp 12, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

1.4. Ông Tô Văn C (Lê Văn C), sinh năm 1971; cư trú tại: Số 125, ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

1.5. Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: Số 18Đ, đường T, Hẻm 5, Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

1.6. Anh Lê Tuấn K, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp X, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

1.7. Ông Lê Văn Y, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

1.8. Bà Lê Thị T, sinh năm 1948; cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

1.9. Bà Lê Thị K, sinh năm 1956; cư trú tại: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

1.10. Bà Lê Thị O, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Ông Lê Văn H, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp 12, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Bà Trịnh Ngọc D, sinh năm 1950; cư trú tại: Số 111, ấp C, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

4. Ông Tô Văn C (Lê Văn C), sinh năm 1971; cư trú tại: Số 125, ấp T, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

5. Bà Trần Thị Lệ H, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: Số 18Đ, đường T, Hẻm 5, Khóm 2, Phường 7, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

6. Anh Lê Tuấn K, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp X, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

7. Chị Tô Mỹ H, sinh năm 1995

8. Bà Nguyễn Thu E, sinh năm 1975

9. Chị Tô Thị Mỹ N, sinh năm 1986

10. Anh Tô Hồng P, sinh năm 1998

Cùng cư trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Tô Mỹ H: Ông Lê Văn H, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp 12, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 19/11/2010, có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thu E, chị Tô Thị Mỹ N, anh Tô Hồng P: Ông Tô Hùng E, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo giấy ủy quyền ngày 21/7/2014 và ngày 21/02/2017, có mặt).

11. Anh Tô Phước H, sinh năm 1991

12. Chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1997

13. Ông Lê Văn Y, sinh năm 1953 (vắng mặt)

14. Bà Lê Thị T, sinh năm 1948 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Tô Phước H và chị Trần Thị Bích T: Bà Tô Hồng L, sinh năm 1964; cư trú tại: Số 32, ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo giấy ủy quyền các ngày 25/7/2016 và ngày 29/7/2016, có mặt).

15. Bà Lê Thị K, sinh năm 1956; cư trú tại: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

16. Bà Lê Thị O, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp B, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

17. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Minh P, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Tô Hùng E, sinh năm 1966.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Tô Hồng L và ông Tô Hùng E thống nhất trình bày: Ông Lê Văn T và bà Tô Thị L (Tô Kim L) chung sống với nhau có tất cả 08 người con gồm ông Tô Văn C (Lê Văn C), bà Trần Thị Lệ H, bà Tô Hồng M (chết lúc nhỏ, không có chồng con), bà Tô Hồng T (chết lúc nhỏ, không có chồng con), ông Lê Văn H, bà Tô Hồng L, ông Lê Văn A (chết trước khi bà L chết, có 01 người con là anh Lê Tuấn K) và ông Tô Hùng E. Bà L có một người con riêng là bà Trịnh Ngọc D và ông Thanh có 04 người con riêng gồm ông Lê Văn Y, bà Lê Thị T, bà Lê Thị K và bà Lê Thị O. Bà Láng chết ngày 22/11/2004 và ông T chết ngày 29/12/2010, bà L và ông T chết không để lại di chúc.

Nguyên đơn bà Tô Hồng L, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tô Phước H và chị Trần Thị Bích T trình bày:

Khi còn sống, bà L tạo lập được các tài sản riêng gồm: 01 căn nhà (Nhà trước diện tích chiều ngang 5,2m x chiều dài 09m; kết cấu: loại nhà T5B4 có cấu trúc lợp mái thiếc, cây gỗ địa phương, vách lá, nền đất và nhà sau diện tích chiều ngang 5,2m x chiều dài 9m; kết cấu: loại nhà T4B4 có cấu trúc khung cột gỗ địa phương, vách thiếc, mái tol tráng kẽm, nền đất) gắn liền trên diện tích 2.576m² đất ở và đất vườn tạp và phần đất trồng lúa diện tích 20.529m². Phần đất trồng lúa, bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05 tháng 10 năm 2000 cho hộ Tô Kim L, còn phần đất ở và đất vườn tạp thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003, bà L chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 2.600m² và chuyển nhượng cho bà diện tích đất 5.200m² đất trồng lúa, đã chuyển quyền sử dụng đất cho bà và bà T đứng tên; phần đất trồng lúa còn lại 12.729m² (theo đo đạc thực tế là 12.874,5m²) và căn nhà gắn liền với diện tích 2.576m² đất ở và vườn tạp thì bà L trực tiếp quản lý, sử dụng. Ngày 22 tháng 11 năm 2004, bà L chết nên toàn bộ số tài sản trên do ông Hùng E quản lý. Nay bà yêu cầu chia thừa kế đối với tài sản do bà L chết để lại và yêu cầu chia thừa kế đối với phần tài sản ông T được hưởng thừa kế từ bà L, theo quy định của pháp luật. Bà L rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Hùng E về việc yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà và các tài sản gắn liền trên diện tích 2.576m² đất ở và đất vườn tạp và đồng ý giao các tài sản này cho ông Hùng E quản lý, sử dụng.

Bà L xác định anh H và chị T không có yêu cầu gì đối với các tài sản trên, anh H và chị T không có đóng góp gì trong việc tạo lập các tài sản trên.

Bị đơn ông Tô Hùng E, đồng thời là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thu E, chị Tô Thị Mỹ N và anh Tô Hồng P trình bày:

Ông Hùng E thống nhất với bà L các tài sản do bà L chết để lại, nhưng đây là tài sản chung của bà L và ông T, không phải là tài sản riêng của bà L. Đối với phần đất trồng lúa, khi còn sống, ngoài chuyển nhượng đất như bà L khai thì bà L còn chuyển nhượng cho ông tổng cộng 03 lần vào các năm 2000, 2001, 2002 với tổng diện tích đất 4.450m² (khoảng 4,5 công), nhưng chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và cũng không có làm giấy tờ. Phần đất trồng lúa còn lại khoảng 6,5 công và căn nhà gắn liền với diện tích 2.576m² đất ở và vườn tạp thì trước khi chết, bà L đã cho ông. Việc bà L chuyển nhượng đất và cho ông các tài sản nêu trên thì ông T biết và đồng ý. Đồng thời, bà L đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà L đứng tên cho ông quản lý. Sau khi bà L chết, ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng các tài sản nêu trên. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L vì tài sản này là tài sản của ông, không phải là di sản chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, đồng thời là người đại diện hợp pháp của chị Tô Mỹ H trình bày: Bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất trồng lúa theo đo đạc thực tế có diện tích 12.874,5m² và yêu cầu

chia thừa kế đối với phần tài sản ông T được hưởng thừa kế từ bà L thì ông H yêu cầu được hưởng di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Ông H rút một phần yêu cầu độc lập về việc chia thừa kế đối với căn nhà và các tài sản gắn liền trên diện tích 2.576m² đất ở và vườn tạp và đồng ý giao các tài sản này cho ông Tô Hùng E quản lý, sử dụng. Với tư cách là người đại diện hợp pháp của chị Tô Mỹ H, ông H không có ý kiến và yêu cầu gì vì chị H không có công sức đóng góp trong việc tạo lập diện tích đất trồng lúa của hộ bà L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K trình bày: Bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất trồng lúa theo đo đạc thực tế có diện tích 12.874,5m² và yêu cầu chia thừa kế đối với phần tài sản ông T được hưởng thừa kế từ bà L, thì bà H và anh K yêu cầu được hưởng di sản thừa kế theo quy định của pháp luật và yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Bà H và anh K rút một phần yêu cầu độc lập về việc chia thừa kế đối với căn nhà và các tài sản gắn liền trên diện tích 2.576m² đất ở và vườn tạp và đồng ý giao các tài sản trên cho ông Tô Hùng E quản lý, sử dụng.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện V là ông Từ Minh P trình bày: Phần đất tranh chấp giữa bà L và ông Hùng E là phần còn lại (sau khi đã tách thửa chuyển quyền sử dụng đất cho Nguyễn Thị T diện tích đất 2.600m² và Tô Hồng L diện tích đất 5.200m²), thửa số 681, tờ bản đồ 12, nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 546951 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 05/10/2000 cho hộ bà Tô Kim L. Việc hộ bà L được Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp là đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, nên Ủy ban nhân dân huyện V yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Y, bà Lê Thị T, bà Lê Thị O, bà Lê Thị K trình bày: Ông T và bà L chung sống có tạo lập được các tài sản gồm căn nhà, đất ở, đất vườn tạp và đất trồng lúa nêu trên. Khi còn sống, ông T đồng ý giao lại phần di sản ông T được hưởng từ bà L cho ông Tô Hùng E nên ông Y, bà T, bà O, bà K không đồng ý với yêu cầu của bà L, ông H, bà H và anh K. Trong trường hợp có căn cứ để chia di sản thừa kế của ông T để lại trong khối tài sản chung với bà L thì ông Y, bà T, bà O và bà K đồng ý giao cho ông Hùng E quản lý, sử dụng phần tài sản mà ông Y, bà T, bà O và bà K được hưởng.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Hồng L đối với ông Tô Hùng E.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K về việc yêu cầu được nhận di sản thừa kế của bà Tô Thị L (Tô Kim L) và ông Lê Văn T.

2. Chia cho bà Tô Hồng L, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K, mỗi người được thừa kế giá trị tài sản bằng 84.445.935 đồng (tám mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng); chia cho ông Tô

Hùng E được thừa kế giá trị tài sản bằng 223.533.675 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng) và chia cho ông Tô Văn C (Lê Văn C) được thừa kế giá trị tài sản bằng 34.771.935 đồng (ba mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng).

Giao cho ông Tô Hùng E được quyền quản lý, sử dụng diện tích 12.874,5m² đất trồng lúa, thuộc thửa số 681, tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 546951 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ bà Tô Thị L vào ngày 05/10/2000 (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

Ông Tô Hùng E có trách nhiệm liên hệ đến Cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên.

Buộc ông Tô Hùng E có nghĩa vụ thanh toán cho bà Tô Hồng L, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K, mỗi người số tiền 84.445.935 đồng (tám mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng) và thanh toán cho ông Tô Văn C (Lê Văn C) số tiền 34.771.935 đồng (ba mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tô Hồng L và chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu độc lập của ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K đối với ông Tô Hùng E về việc yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà và các tài sản gắn liền trên diện tích 2.576m² đất ở và vườn tạp, tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tô Hồng L, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu độc lập của ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K đối với ông Tô Hùng E về việc yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà và các tài sản gắn liền trên diện tích 2.576m² đất ở và vườn tạp tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tô Hồng L, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K đối với ông Tô Hùng E về việc đồng ý giao cho ông Tô Hùng E được quyền quản lý, sử dụng các tài sản gồm 01 (một) căn nhà ở và các tài sản gắn liền trên diện tích 2.576m² đất ở và vườn tạp tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; án phí; lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, bị đơn ông Tô Hùng E kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Ông Tô Hùng E kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu, theo hướng hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Tô Hùng E vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tô Hùng E trình bày: Cấp sơ thẩm giải quyết vụ án bỏ qua chứng cứ quan trọng là lời khai của ông Lê Văn T, không xem xét ý chí của ông T là thiếu sót. Căn cứ để chia thừa kế là quan hệ người thân. Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án tờ tông chi năm 2008 thể hiện ông T và bà L chỉ có 03 người con, tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng chỉ thể hiện có một tờ tông chi. Tuy nhiên, hồ sơ lại có một tờ tông chi khác nội dung xác định ông T và bà L có 10 người con. Như vậy, hai tờ tông chi này chưa xác định được hàng thừa kế thứ nhất của ông T và bà L đối với ông Lê Tuấn K, nên cấp sơ thẩm xác định ông K là hàng thừa kế thứ nhất của ông T, bà L và chấp nhận đơn yêu cầu độc lập của ông K là không đúng. Ngoài ra, cấp sơ thẩm hoãn phiên tòa do vắng mặt Kiểm sát viên là không đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của ông Tô Hùng E, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Hùng E, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Tô Hùng E nộp trong hạn luật định và hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Tô Hùng E, Hội đồng xét xử, xét thấy:

Bà Tô Hồng L và ông Tô Hùng E thống nhất xác định ông Lê Văn T và bà Tô Thị L (Tô Kim L) chung sống với nhau có tất cả 08 người con gồm ông Tô Văn C (Lê Văn C), bà Trần Thị Lệ H, bà Tô Hồng M (chết lúc nhỏ, không có chồng con), bà Tô Hồng T (chết lúc nhỏ, không có chồng con), ông Lê Văn H, bà Tô Hồng L, ông Lê Văn A (chết trước khi bà L chết, có 01 người con là anh Lê Tuấn K) và ông Tô Hùng E. Bà L có một người con riêng là bà Trịnh Ngọc D và ông T có 04 người con riêng gồm ông Lê Văn Y, bà Lê Thị T, bà Lê Thị K và bà Lê Thị

O. Bà L chết ngày 22/11/2004 và ông T chết ngày 29/12/2010, bà L và ông T chết không để lại di chúc.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Tô Hồng L, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K đồng ý giao căn nhà và các tài sản gắn liền trên diện tích 2.576m² đất ở và đất vườn tạp cho ông Tô Hùng E quản lý, sử dụng; không yêu cầu chia thừa kế, đây là ý chí tự nguyện của bà L, ông H, bà H và anh K, cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp. Các đương sự không tranh chấp đối với hai diện tích đất bà Láng đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị T và bà Tô Hồng L, chỉ tranh chấp thừa kế diện tích đất trồng lúa 12.874,5m², nên cấp sơ thẩm chỉ giải quyết chia thừa kế đối với diện tích đất trồng lúa 12.874,5m² là đúng quy định pháp luật.

[4] Căn cứ vào Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 22/8/2014 (bút lục số 322-326) và trích đo phân đất tranh chấp ngày 09/04/2015 (bút lục số 352), phần đất tranh chấp yêu cầu chia thừa kế có diện tích 12.874,5m², đất trồng lúa thuộc thửa số 681, tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 546951 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ bà Tô Thị L vào ngày 05/10/2000 và hiện nay do ông Tô Hùng E và bà Nguyễn Thu E trực tiếp quản lý, sử dụng. Phần đất gồm hai phần như sau:

Phần thứ nhất là phần đất ông Tô Hùng E xác định nhận chuyển nhượng của bà Tô Thị L có vị trí, số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất tranh chấp thứ II có số đo 104,6m.

Hướng Tây giáp với phần đất của ông M có số đo 91,6m.

Hướng Nam giáp với phần đất ông M có số đo 52,7m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông M có số đo 51,6m.

Diện tích: 5.115,9m².

Phần đất thứ hai là phần đất ông Tô Hùng E xác định bà Tô Thị L đã cho ông Tô Hùng E có vị trí, số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất của ông N, ông X, ông C và ông K có số đo 203,7m.

Hướng Tây giáp với phần đất tranh chấp thứ nhất và giáp với phần đất của ông M có số đo 104,6m và 93,7m.

Hướng Nam giáp với phần đất của ông D có số đo 36,8m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông M có số đo 40,4m.

Diện tích: 7.758,6m².

[5] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp 12.874,5m², Hội đồng xét xử, xét thấy: Bà Tô Hồng L, ông Lê Văn H thống nhất xác định diện tích đất trồng lúa 12.874,5m² là tài sản riêng của bà Tô Thị L, có nguồn gốc nhận thừa kế từ cha mẹ của bà L, nhưng bà L và ông H không có chứng cứ chứng minh. Ông Tô Hùng E

xác định diện tích đất trồng lúa 12.874,5m² là tài sản chung của bà L và ông T. Các đương sự thống nhất xác định diện tích đất trồng lúa 12.874,5m² được tạo lập trước năm 1987, khi đó hôn nhân giữa bà L và ông T được xác lập trước năm 1987, nên theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, có căn cứ xác định diện tích đất trồng lúa 12.874,5m² là tài sản chung của bà L và ông T.

[6] Ông Tô Hùng E xác định ông nhận chuyển nhượng diện tích đất trồng lúa 5.115,9m² của bà L vào các năm 2000, 2001, 2002 và bà L đã cho ông diện tích đất trồng lúa 7.758,6m², việc ông nhận chuyển nhượng đất của bà L và việc bà L cho đất ông được ông Lê Văn T thừa nhận khi còn sống. Tại lời khai ngày 17/02/2009 (bút lục số 54-55) ông Lê Văn T xác định khi còn sống bà L có chuyển nhượng đất và cho đất ông Hùng E như lời trình bày của ông Hùng E, do khi bà L chuyển nhượng đất và cho đất ông Hùng E thì bà L có bàn bạc với ông, tuy nhiên, ông T không trực tiếp chứng kiến việc bà L chuyển nhượng đất và cho đất ông Hùng E thời gian nào và cụ thể như thế nào, vì vậy lời khai của ông T không đủ căn cứ chứng minh bà L chuyển nhượng diện tích đất trồng lúa 5.115,9m² cho ông T và cho ông T diện tích đất trồng lúa 7.758,6m². Ngoài ra, ông Hùng E không còn chứng cứ nào khác chứng minh cho lời khai này của ông. Vì vậy, có căn cứ xác định diện tích đất trồng lúa 12.874,5m² là tài sản chung của bà L và ông T chết để lại và chưa chia, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L; yêu cầu độc lập của ông H, bà H và anh K chia thừa kế diện tích đất trồng lúa 12.874,5m² theo quy định pháp luật là có căn cứ.

[7] Diện tích đất trồng lúa 12.874,5m² ông Tô Hùng E quản lý, sử dụng từ khi bà L chết cho đến nay, cấp sơ thẩm tiếp tục giao diện tích đất trồng lúa 12.874,5m² cho ông Tô Hùng E quản lý, sử dụng và buộc ông Tô Hùng E hoàn trả giá trị cho những người thừa kế của bà L và ông T là phù hợp. Ông Tô Văn Ch, bà Trịnh Ngọc D từ chối nhận di sản thừa kế; ông Lê Văn Y, bà Lê Thị T, bà Lê Thị K, bà Lê Thị O đều đồng ý giao phần di sản thừa kế được nhận cho ông Tô Hùng E; đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp.

[8] Theo đơn kháng cáo, ông Tô Hùng E cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hùng E không xác định được cấp sơ thẩm đã vi phạm như thế nào. Hội đồng xét xử, xét thấy: Cấp sơ thẩm khi thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ về trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nêu thù cũng không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng của cấp sơ thẩm.

[09] Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Hùng E, không chấp nhận ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tô Hùng E, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[10] Án phí phúc thẩm, ông Tô Hùng E phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 157; điểm c khoản 1 Điều 217; các Điều 218, 219, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 631, 633, 634, 635, 636, 642, 645, 674, 675, 676, 677 và Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; tiểu mục 2.2 mục 2 phần I, điểm a, c tiểu mục 2.3 mục 2 phần II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Hùng E. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Hồng L đối với ông Tô Hùng E.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K về việc yêu cầu được nhận di sản thừa kế của bà Tô Thị L (Tô Kim L) và ông Lê Văn T.

2. Chia cho bà Tô Hồng L, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K mỗi người được thừa kế giá trị tài sản bằng 84.445.935 đồng (tám mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng); chia cho ông Tô Hùng E được thừa kế giá trị tài sản bằng 223.533.675 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng) và chia cho ông Tô Văn C (Lê Văn C) được thừa kế giá trị tài sản bằng 34.771.935 đồng (ba mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng).

Giao cho ông Tô Hùng E được quyền quản lý, sử dụng diện tích 12.874,5m² đất trồng lúa, thuộc thửa số 681, tờ bản đồ số 12; tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 546951 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp cho hộ bà Tô Thị L vào ngày 05/10/2000. Đất có vị trí, số đo cụ thể như sau:

Hướng Đông giáp với phần đất của ông N, ông X, ông C và ông K có số đo 203,7m.

Hướng Tây giáp với phần đất của ông M có số đo 91,6m.

Hướng Nam giáp với phần đất của ông D và ông M (là cạnh hình gấp khúc) có số đo 36,8m; 93,7m; 52,7m.

Hướng Bắc giáp với phần đất của ông M có số đo 92m.

Ông Tô Hùng E có quyền kê khai, đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên tại Cơ quan có thẩm quyền.

Ông Tô Hùng E có nghĩa vụ hoàn trả giá trị đất cho bà Tô Hồng L, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K mỗi người số tiền 84.445.935 đồng (tám mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng) và hoàn trả giá trị đất cho ông Tô Văn C (Lê Văn C) số tiền 34.771.935 đồng (ba mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi một nghìn, chín trăm ba mươi lăm đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tô Hồng L và chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu độc lập của ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K đối với ông Tô Hùng E về việc yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà và các tài sản gắn liền trên diện tích 2.576m² đất ở và vườn tạp, tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tô Hồng L, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu độc lập của ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K đối với ông Tô Hùng E về việc yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà và các tài sản gắn liền trên diện tích 2.576m² đất ở và vườn tạp, tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tô Hồng L, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K đối với ông Tô Hùng E về việc đồng ý giao cho ông Tô Hùng E được quyền quản lý, sử dụng các tài sản gồm 01 (một) căn nhà ở và các tài sản gắn liền trên diện tích 2.576m² đất ở và vườn tạp, tọa lạc tại ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.950.000 đồng.

Bà Tô Hồng L, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K mỗi người phải chịu 276.000 đồng.

Ông Tô Văn C (Lê Văn C) phải chịu 114.000 đồng và ông Tô Hùng E phải chịu 732.000 đồng.

Bà Tô Hồng L, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lần lượt số tiền là 500.000 đồng, 700.000 đồng, 650.000 đồng và 100.000 đồng. Ông Tô Văn C (Lê Văn C) phải nộp 114.000 đồng để hoàn trả cho bà Tô Hồng L. Anh Lê Tuấn K phải nộp 176.000 đồng để hoàn trả cho bà Trần Thị Lệ H. Ông Tô Hùng E phải nộp 732.000 đồng để hoàn trả cho bà Tô Hồng L 110.000 đồng, hoàn trả cho bà Trần Thị Lệ H 198.000 đồng và hoàn trả cho ông Lê Văn H 424.000 đồng. Các khoản tiền nêu trên nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

6. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà Tô Hồng L, ông Lê Văn H, bà Trần Thị Lệ H và anh Lê Tuấn K mỗi người phải chịu 4.222.297 đồng (bốn triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi bảy đồng).

Bà Tô Hồng L đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.650.000 đồng (một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu số 000150 ngày 17/02/2009 và số 0009252 ngày 20/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Bà Tô Hồng L còn phải nộp tiếp số tiền 2.572.297 đồng (hai triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi bảy đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Lê Văn H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.650.000 đồng (một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu số 000272 ngày 07/11/2010 và số 0009253 ngày 20/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Ông Lê Văn H còn phải nộp tiếp số tiền 2.572.297 đồng (hai triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi bảy đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Trần Thị Lệ H đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.650.000 đồng (một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu số 000504 ngày 26/10/2010 và số 0009250 ngày 20/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Bà Trần Thị Lệ H còn phải nộp tiếp số tiền 2.572.297 đồng (hai triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi bảy đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Anh Lê Tuấn K đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.650.000 đồng (một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu số 000505 ngày 26/10/2010 và số 0009251 ngày 20/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Anh Lê Tuấn K còn phải nộp tiếp số tiền 2.572.297 đồng (hai triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm chín mươi bảy đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

+ Ông Tô Văn C (Lê Văn C) phải chịu 1.738.597 đồng (một triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, năm trăm chín mươi bảy đồng) và ông Tô Hùng E phải chịu 11.176.684 đồng (mười một triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm tám mươi bốn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Tô Hùng E phải chịu 300.000 đồng. Ông Tô Hùng E đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009484 ngày 01/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

7. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều